

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BA ĐÌNH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **135 /2021/DSST**  
Ngày 23 tháng 12 năm 2021  
V/v : *Tranh chấp đòi tài sản*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Hoài Phương**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Ngô Bích Liên**

**Bà Dương Thị Diễm**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thanh Phương** - Thư ký

Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên Tòa: **Bà Bùi Mai Phương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2021/TLST- DS ngày 24/11/2021 về vụ kiện “ Tranh chấp đòi nợ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 407/2021/QĐXX-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Phạm Thị T1**, sinh năm 1950. Có hộ khẩu thường trú tại : Số 44 ngõ 105 BM, phường TN, quận HBT, thành phố Hà Nội ; Nay là số : Số 9 ngõ 40 VTS, phường TN, quận HBT, thành phố Hà Nội.

(Bà T1 có mặt tại phiên tòa)

\* Bị đơn : **Bùi Thị Kim N1**, sinh năm 1960. Có hộ khẩu thường trú tại : số 16B NB, phường QT, quận BĐ, thành phố Hà Nội. Trú tại : số 27 ngách 149 ngõ 285 ĐC, phường LG, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

(Bà N1 có mặt tại phiên tòa)

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - bà Bùi Thị Kim N1 : Ông Hà Ngọc A1- Luật sư của Công ty Luật TNHH HA- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

(Ông Ngọc A1 có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2021, bản tự khai và các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - bà Phạm Thị T1 trình bày:***

Bà và bà Bùi Thị Kim N1 là quan hệ đồng nghiệp cùng làm tại Ngân hàng V - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Trong vòng 2 năm 1994, 1995 bà có cho bà N1 vay 5 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng, hai bên có viết giấy tờ viết tay không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Trong quá trình sau khi vay thì đến năm 2018 bà N1 có trả cho bà được 21.000.000 đồng và có 01 giấy vay ghi vay 25.000.000 đồng bà đã bỏ đi nên bà chỉ nộp cho Tòa những giấy tờ còn lại.

Nay bà yêu cầu bà N1 phải trả cho bà số tiền 175.000.000 đồng còn lại. Nếu bà N1 thanh toán 1 lần tiền mặt cho bà thì bà chỉ yêu cầu bà N1 trả 100.000.000 đồng. Còn nếu bà N1 không thu xếp được thì có thể trả cho bà hàng tháng và có thể trả 6,7 năm cũng được.

Đối với việc bà N1 trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án, bà N1 ký nhận vào giấy vay tiền có xác nhận vay của bà là làm tin cho việc chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị Kim P là giám đốc của công ty TNHH TL là khách hàng của Ngân hàng V- chi nhánh Hoàn Kiếm giới thiệu đến vay tiền là không đúng vì đây là tiền vay cá nhân của bà T1.

Tại đơn khởi kiện bà có yêu cầu bà N1 thanh toán cả tiền lãi và 179.000.000 đồng nhưng tại buổi làm việc hôm nay bà chỉ yêu cầu bà N1 thanh toán 175.000.000 đồng là số tiền bà N1 đã ký nhận vào các giấy vay tiền các ngày 05/5/1995; 19/9/1995; 24/10/1995 ; ngày 21/10/1994 và không yêu cầu tính lãi.

Bà khẳng định không có việc bà N1 ký nhận vào các giấy vay tiền có xác nhận vay của bà T1 là làm tin cho việc chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị Kim P là giám đốc của công ty TNHH TL là khách hàng của chi nhánh Hoàn Kiếm giới thiệu đến vay tiền. Nếu bà N1 trình bày như thế đề nghị bà N1 cung cấp các tài liệu chứng minh.

**\* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn - bà Bùi Thị Kim N1 trình bày:**

Bà và bà Phạm Thị T1 trước đây làm cùng nhau, bà T1 là lãnh đạo của bà. Đối với số tiền vay mượn như bà T1 trình bày đây là tiền góp vốn làm ăn chung trong công ty, lãi của người nào người ấy hưởng. Bà xác nhận có ký vào các giấy vay tiền ngày /5/1995; 19/9/1995; 24/10/1995 ; ngày 21/10/1994. Việc bà ký nhận vào giấy vay tiền có xác nhận vay của bà T1 là làm tin cho việc chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị Kim P là giám đốc của công ty TNHH TL là khách hàng của chi nhánh Hoàn Kiếm giới thiệu đến vay tiền. Bà chỉ ký vay nhưng không nhận tiền trực tiếp từ bà T1.

Nay bà T1 khởi kiện thì quan điểm bà xác định không có giao dịch vay mượn tài sản, việc lập giấy kia chỉ làm tin để cho công ty TL. Đề nghị Tòa án xem xét thời hiệu yêu cầu khởi kiện của bà T1.

**\*Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn - bà Phạm Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị bà N1 phải trả cho bà số tiền 175.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện bà có yêu cầu bà N1 thanh toán cả tiền lãi và 179.000.000 đồng nhưng quá trình làm việc tại Tòa án, sau khi xem lại các giấy tờ thì bà chỉ yêu cầu bà N1 thanh toán 175.000.000 đồng là số tiền bà N1 đã ký nhận vào các giấy vay tiền các ngày 05/5/1995; 19/9/1995; 24/10/1995 ; ngày 21/10/1994 và không yêu cầu tính lãi. Bà xin rút đối với yêu cầu buộc bà N1 phải trả số tiền nợ gốc 4.000.000 đồng và không yêu cầu bà N1 phải trả nợ lãi. Bà không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn - bà Bùi Thị Kim N1 xác nhận có ký vào các giấy vay tiền các ngày 05/5/1995; 19/9/1995; 24/10/1995 ; ngày 21/10/1994 nhưng bà khẳng định không vay tiền, không có việc nhận tiền; Việc bà ký vào các giấy vay tiền chỉ là để làm tin cho bà Nguyễn Thị Kim P là giám đốc của công ty TNHH TL vay tiền vì lúc đấy bà T1 là lãnh đạo của bà. Bà không yêu cầu giám định chữ ký đối với các giấy vay nợ nói trên cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày : quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, bà N1 luôn khẳng định không có việc vay tiền cũng như không có việc nhận tiền hay hưởng lợi từ số tiền của bà Phạm Thị T1. Đề nghị HĐXX áp dụng thời hiệu và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng:***

***\*Về tố tụng:*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự . Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

***\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi tài sản theo các giấy vay tiền ngày 05/5/1995 ; ngày 19/9/1995 ; ngày 24/10/1995 ; ngày 21/10/1994.

Bị đơn bà Bùi Thị Kim N1 xác nhận có ký vào các giấy vay tiền các ngày trên, tuy nhiên bà không thừa nhận việc vay nợ vì cho rằng ký giấy là để làm tin cho bà Nguyễn Thị Kim P là giám đốc của công ty TNHH TL vì cho rằng thời điểm đó bà T1 là lãnh đạo của bà N1. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn không xuất trình các tài liệu để chứng minh cho lời trình bày của mình để HĐXX xem xét.

Do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N1 phải trả cho bà số tiền 175.000.000 đồng. Bà T1 rút đối với yêu cầu buộc bà N1 phải trả số tiền nợ gốc 4.000.000 đồng và không yêu cầu bà N1 phải trả nợ lãi là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .
- Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và tố tụng:

Bà Phạm Thị T1 có đơn khởi kiện tranh chấp đòi tài sản đối với bà Bùi Thị Kim N1, sinh năm 1960 có hộ khẩu thường trú tại : số 16B NB, phường QT, quận BD, thành phố Hà Nội ; Hiện đang ở tại : số 27 ngách 149 ngõ 285 ĐC, LG, quận BD, thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 188 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Xét các giấy vay tiền đề ngày 05/5/1995, ngày 19/9/1995, ngày 24/10/1995 và ngày 21/10/1994 do bà Bùi Thị Kim N1 viết là cá nhân có thỏa thuận về việc vay tiền, thời gian trả và về lãi vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là đòi tài sản theo Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Do đây là tranh chấp đòi tài sản là tiền nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 3 điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

[4] Xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Ngày 05/5/1995 bà Bùi Thị Kim N1 có ký vay của bà T1 số tiền: 30.000.000 đồng.

Ngày 19/9/1995 bà Bùi Thị Kim N1 có ký vay của bà T1 số tiền: 35.000.000 đồng

Ngày 24/10/1995 bà Bùi Thị Kim N1 có ký vay của bà T1 số tiền: 10.000.000 đồng

Ngày 21/10/1994 bà Bùi Thị Kim N1 có ký vay của bà T1 số tiền: 100.000.000 đồng.

Bà Phạm Thị T1 và bà Bùi Kim N1 xác nhận ký kết giấy nhận nợ là có thật. Các bên thoả thuận hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó, các giấy vay tiền có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Sau khi xem xét các yêu cầu, ý kiến của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: giữa bà T1 và bà N1 có quan hệ quen biết nhau; Xét về giao dịch dân sự giữa bà T1 với bà N1 là giao dịch tự nguyện giữa 2 bên là cá nhân, trên cơ sở thống nhất ý chí thoả thuận tự nguyện của cả hai bên. Bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là bà N1 thanh toán số tiền nợ gốc là 179.000.000 đồng tuy nhiên tại các phiên làm việc tại Tòa sau khi đối chiếu số nợ theo các giấy vay nợ ai bên ký các ngày 05/5/1995; 19/9/1995; 24/10/1995 ; ngày 21/10/1994 thì bà T1 yêu cầu bà N1 phải trả tổng số tiền nợ gốc là 175.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Bà T1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 4.000.000 đồng và không yêu cầu bà N1 phải trả nợ lãi, không yêu cầu Tòa án giải quyết; việc rút yêu cầu của bà T1 là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, tại các biên bản phiên họp chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa, bị đơn bà N1 thừa nhận có ký vào các giấy vay tiền tuy nhiên bà không thừa nhận việc mượn tiền, khẳng định không có việc giao tiền mà chỉ là ký để làm tin. Tòa án đã yêu cầu bà N1 cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng bà N1 không cung cấp được. Các giấy nhận nợ các ngày 05/5/1995; 19/9/1995; 24/10/1995 ; ngày 21/10/1994 thể hiện bà N1 có vay với tổng số tiền 175.000.000 đồng phù hợp với yêu cầu của bà T1 đề nghị đòi số tiền 175.000.000đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết, chứng cứ không phải chứng minh.

Ngoài lời trình bày của bị đơn về việc không nhận tiền thì bị đơn không đưa ra được các căn cứ cũng như người làm chứng để chứng kiến việc nguyên đơn và bị đơn trao đổi với nhau về việc không giao tiền. Do vậy, lời trình bày của bà N1 không có căn cứ để HĐXX xem xét.

Yêu cầu khởi kiện của bà T1 có căn cứ và được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào các 471, 474, 478 Bộ Luật Dân Sự năm 2005 và các Điều 466; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà N1 phải trả cho bà T1 số tiền nợ gốc 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn).

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là bà Bùi Thị Kim N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà N1 trình bày do bà tuổi đã cao hiện tại sức khỏe kém không có thu nhập nên đề nghị Tòa án miễn giảm án phí cho bà theo quy định tại Điều 146 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Luận cứ của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tại phiên tòa không có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Luận cứ và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 91, Điều 144; Điều 146; Điều 147; khoản 2 Điều 244 ; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 256, 471, 474, 478 Bộ Luật Dân Sự năm 2005;

- Điều 466, 468, 688 Bộ Luật Dân Sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm ngày 11/01/2019;

- Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “đòi tài sản” của bà Phạm Thị T1 đối với bà Bùi Thị Kim N1.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với về số tiền nợ gốc 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) và yêu cầu nợ lãi.

3. Buộc bà Bùi Thị Kim N1 phải trả cho bà Phạm Thị T1 số tiền nợ gốc là 175.000.000 đồng ( Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3. Về án phí:** Bà Bùi Thị Kim N1 được miễn tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

**4. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận BD;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hoài Phương**